

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 01 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu; Ông Mai Văn Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 518/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim C, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trương Đình T, sinh ngày 21/01/1996; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: H, M, B, Cộng hòa S, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/02/2024, bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị Kim C trình bày: Chị và anh Trương Đình T có quá trình tìm hiểu nhau qua mạng xã hội Facebook và yêu nhau. Sau đó, anh T về Việt Nam và hai người tự nguyện đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/12/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ của anh T được khoảng 3 tháng thì anh T qua lại S làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng mới cưới nhau chưa được bao lâu thì anh T phải đi nước ngoài, chị C một mình ở nhà sinh con nên không có chồng quan tâm. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng xa nhau, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự cảm thông chia sẻ về vật chất lẫn tinh thần. Mặc dù hai vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Đình T để ổn định cuộc sống bản thân và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Đinh Thị Kim C trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu Trương Thu Q, sinh ngày 08/10/2022. Hiện tại cháu đang sống với chị C. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đinh Thị Kim C trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 01/4/2024 của ông Trương Đình Đ (bố anh Trương Đình T) trình bày: Hiện nay anh T đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa S. Ông Đ cho biết việc kết hôn giữa anh T và chị C là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng đăng ký kết hôn UBND xã H vào năm 2021 đúng như chị C trình bày. Việc hai vợ chồng anh T, chị C có mâu thuẫn dẫn đến chị C làm đơn ly hôn anh T tại Tòa án ông không có ý kiến gì, do vợ chồng anh T, chị C quyết định. Về con chung: vợ chồng anh T, chị C có 01 con chung cháu Trương Thu Q đúng như chị C trình bày, cháu hiện sống với gia đình chị C, sau khi ly hôn về con chung ông không có ý kiến gì, do vợ chồng anh T, chị C quyết định. Về tài sản chung, nợ chung đúng như chị C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông sẽ thông báo và gửi giấy tờ cho anh T biết việc chị C làm đơn ly hôn anh T.

Bị đơn anh Trương Đình T đang làm việc và cư trú tại nước ngoài: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản số 810/CV-TAND ngày 10/4/2024 gửi cơ quan có thẩm quyền Đ1 tại Séc thực hiện việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cho anh Trương Đình T. Ngày 25/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Công văn số 4116/TAND-CV gửi Ban Đ2 (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Trương Đình T đang cư trú tại Cộng hòa S về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Đinh Thị Kim C xin ly hôn anh Trương Đình T tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ban Đ2 (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng Tòa án không nhận được ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị C và cũng không có tin tức của anh T. Ngày 23/12/2024, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Thanh vắng M nên phải hoãn phiên tòa.

Sau khi hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tự khai và xin xét xử vắng mặt ngày 03/01/2025 của anh Trương Đình T gửi cho Tòa án có chứng thực của Đ1 tại Cộng hòa S. Anh T khai về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung giữa vợ chồng anh chị giống như chị C khai tại Tòa. Do cưới nhau chưa được bao lâu thì anh sang Cộng hòa Séc làm việc. Trong quá trình đó hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị C đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Anh đã biết chị C làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án và đồng ý ly hôn chị C, vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng

hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn chị [C](#); Về con chung: vợ chồng có một con chung cháu [Trương Thu Q](#), sinh ngày 08/10/2022. Hiện nay con chung đang ở cùng chị [C](#) bên nhà ngoại. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị [C](#) và nhà ngoại chăm sóc, anh sẽ chu cấp cho cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho dù chị [C](#) không yêu cầu; về tài sản, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh sống và làm việc tại Công hòa Séc nên không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa được, anh [Trương Đình T](#) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị [Đinh Thị Kim C](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh [Trương Đình T](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị [C](#), anh [T](#) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị [Đinh Thị Kim C](#), xử cho chị [C](#) được ly hôn anh [Trương Đình T](#); Về con chung: giao cháu [Trương Thu Q](#), sinh ngày 08/10/2022 cho chị [C](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con cùng chị [C](#) mỗi tháng 2.000.000đồng; về tài sản và nợ chung, đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự đã được thẩm tra và ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị [Đinh Thị Kim C](#) có đơn yêu cầu xin ly hôn anh [Trương Đình T](#) đang làm ăn, sinh sống tại [Công hòa S](#), theo thông tin cung cấp của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q](#) thì anh [T](#) đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 07/6/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, theo phương thức tổng đạt đến [Đ1](#) tại Công hòa Séc quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Bản tự khai và xin xét xử vắng mặt ngày

03/01/2025 của anh [Trương Đình T](#) gửi cho Tòa án có chứng thực của [Đ1](#) tại [Công hòa S](#) đã trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị [Đinh Thị Kim C](#) và anh [Trương Đình T](#) quen biết, yêu thương nhau qua mạng xã hội Facebook. Sau khi tìm hiểu được một thời gian thì anh [T](#) về Việt Nam và hai người tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 13/12/2021 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh [T](#), chị [C](#) sống với nhau được khoảng 3 tháng thì anh [T](#) sang lại nước ngoài làm việc, chị [C](#) về nhà mẹ đẻ sinh sống và sinh con. Thời gian đầu mới sang làm việc ở nước ngoài, anh [T](#) vẫn thường xuyên liên lạc, thăm hỏi và quan tâm đến vợ con, nhưng do hoàn cảnh vợ chồng sống xa nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, dẫn đến vợ chồng không có sự thông cảm, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Từ đó, vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau căng thẳng, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện tại cả chị [C](#) và anh [T](#) đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không thể kéo dài. Do đó, chị [C](#) có đơn xin ly hôn anh [T](#) và anh [T](#) cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị [Đinh Thị Kim C](#) xin ly hôn anh [Trương Đình T](#) là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị [C](#), anh [T](#) thấy: Hiện nay cháu [Trương Thu Q](#) đang sống cùng chị [C](#), kể từ khi anh [T](#) đi làm ăn, sinh sống tại nước ngoài. Cháu [Q](#) đang còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ; còn anh [T](#) hiện đang làm ăn, sinh sống và làm việc ở nước ngoài chưa biết khi nào về Việt Nam nên khó có điều kiện để trực tiếp, chăm sóc giáo dục con. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị [C](#). Giao con chung cháu [Trương Thu Q](#), sinh ngày 08/10/2022 cho chị [Đinh Thị Kim C](#) được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, mặc dù chị [C](#) không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh [T](#) tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [C](#) mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến và điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị [Đinh Thị Kim C](#) và anh [Trương Đình T](#) đều trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị [Đinh Thị Kim C](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh [Trương Đình T](#) phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; Điều 161; các Điều 228, 238, 469, 474, 475, 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị [Đinh Thị Kim C](#) được ly hôn anh [Trương Đình T](#). Hôn nhân của chị [Đinh Thị Kim C](#) và anh [Trương Đình T](#) chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu [Trương Thu Q](#), sinh ngày 08/10/2022 cho chị [Đinh Thị Kim C](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh [Trương Đình T](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Đinh Thị Kim C](#) mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị [Đinh Thị Kim C](#) phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí chị [C](#) đã nộp tại biên lai số 0004835 ngày 14/03/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị [C](#) đã nộp đủ án phí.

Anh [Trương Đình T](#) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Chi phí tố tụng: Chị [Đinh Thị Kim C](#) phải chịu 2.747.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 1.247.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 1.500.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của [Đ](#) Tiếng nói Việt Nam). Số tiền này chị [C](#) đã nộp đủ và chi phí hết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn chị [Đinh Thị Kim C](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn anh [Trương Đình Thanh vắng M](#) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Hóa Hợ, huyện Minh Hóa;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Dương Viết Hải